

Số: 110./QĐ/TGD-MXV

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành mức ký quỹ khi giao dịch liên kỳ hạn mặt hàng Cà phê
tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Nghị định số 51/2018/NĐ-CP ngày 9/4/2018 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Giấy phép thành lập Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam số 4596/GP-BCT do Bộ Công Thương cấp ngày 01/9/2010 và các Giấy phép sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế Niêm yết và Giao dịch Hợp đồng Kỳ hạn, Hợp đồng Quyền chọn hàng hóa tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;
- Xét đề nghị của Khối Quản lý Giao dịch,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành các mức ký quỹ khi thực hiện giao dịch liên kỳ hạn (inter-month), mặt hàng Cà phê tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (MXV) theo **Phụ Lục I** đính kèm.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **28/01/2025** và thay thế Quyết định số: 105/QĐ/TGD-MXV ngày 24/01/2025.
- Điều 3.** Ban Giám đốc, các Đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam; Thành viên Kinh doanh; Thành viên Môi giới chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Khối QLGD, HC./

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Dương Đức Quang

PHỤ LỤC I
MỨC KÝ QUỸ GIAO DỊCH LIÊN KỲ HẠN (INTER-MONTH) MẶT HÀNG CÀ PHÊ
TẠI SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1.10 /QĐ-TGD-MXV của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam ngày 03 tháng 02 năm 2025)

I. Danh sách các mức ký quỹ liên kỳ hạn mặt hàng Cà phê

1. Cà phê Arabica

STT	Tên hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn bắt đầu	Kỳ hạn kết thúc	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Cà phê Arabica	Nguyên liệu công nghiệp	ICE US	03/2025	05/2025	826	USD
2				03/2025	07/2025	1,440	USD
3				03/2025	09/2025	1,907	USD
4				03/2025	12/2025	2,521	USD
5				05/2025	07/2025	777	USD
6				05/2025	09/2025	1,382	USD
7				05/2025	12/2025	2,083	USD
8				07/2025	09/2025	807	USD
9				07/2025	12/2025	1,708	USD
10				09/2025	12/2025	903	USD

2. Cà phê Robusta

STT	Tên hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn bắt đầu	Kỳ hạn kết thúc	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Cà phê Robusta	Nguyên liệu công nghiệp	ICE EU	03/2025	05/2025	2,725	USD
2				03/2025	07/2025	2,933	USD
3				03/2025	09/2025	3,168	USD
4				03/2025	11/2025	3,317	USD
5				03/2025	01/2026	3,374	USD
6				05/2025	07/2025	705	USD
7				05/2025	09/2025	1,117	USD
8				05/2025	11/2025	1,514	USD
9				05/2025	01/2026	1,784	USD

10				07/2025	09/2025	514	USD
11				07/2025	11/2025	1,161	USD
12				07/2025	01/2026	1,434	USD
13				09/2025	11/2025	648	USD
14				09/2025	01/2026	983	USD
15				11/2025	01/2026	457	USD

Ghi chú: Các trường hợp khác theo quy định của Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài có liên thông.

II. Danh sách các mức ký quỹ ban đầu theo kỳ hạn mặt hàng Cà phê

1. Cà phê Arabica

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn hợp đồng	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Cà phê Arabica	KCE	Nguyên liệu công nghiệp	ICE US	03/2025	9,687	USD
2					05/2025	10,449	USD
3					07/2025	10,074	USD
4					09/2025	9,268	USD
5					12/2025	8,366	USD

2. Cà phê Robusta

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn hợp đồng	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Cà phê Robusta	LRC	Nguyên liệu công nghiệp	ICE EU	03/2025	7,351	USD
2					05/2025	7,227	USD
3					07/2025	7,116	USD
4					09/2025	7,052	USD
5					11/2025	6,976	USD
6					01/2026	6,934	USD

Ghi chú: Các trường hợp khác theo quy định của Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài có liên thông.



III. Mức ký quỹ áp dụng tại MXV

- Mức ký quỹ ban đầu, mức ký quỹ duy trì áp dụng tại MXV bằng 120% mức ký quỹ ban đầu tại các Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài có liên thông được công bố trong danh sách trên.
- Mức ký quỹ ban đầu trong danh sách trên sẽ được tính toán theo tỷ giá quy đổi do MXV công bố trong từng thời điểm.

